

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Ban hành theo Quyết định số: 563/QĐ-ĐHNCT ngày 29 tháng 07 năm 2024 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

### 1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng đào tạo Cử nhân Tài chính - ngân hàng có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến tài chính - ngân hàng.

#### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Tài chính - ngân hàng
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Finance - Banking
Mã ngành đào tạo	7340201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Tài chính - ngân hàng
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	131
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 131 tín chỉ;</li><li>- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng anh và tin học theo quy định chung của Nhà trường;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp;</li><li>- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành các học phần điều kiện.</li></ul>
Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc

	<p>nghịệp vụ hoặc các vị trí quản trị các cấp trong các tổ chức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngân hàng thương mại;</li> <li>- Các loại hình ngân hàng khác;</li> <li>- Các định chế tài chính khác như: Công ty bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Công ty tài chính; Công ty cho thuê tài chính; Công ty chứng khoán; Quỹ đầu tư; Công ty đầu tư chứng khoán; Công ty quản lý quỹ; Công ty định mức tín nhiệm; Công ty tư vấn tài chính...</li> </ul> <p>Ngoài ra sinh viên tốt nghiệp còn có thể công tác tại các viện nghiên cứu kinh tế, và sau khi bổ sung các kiến thức, kỹ năng sư phạm có thể đảm nhiệm công tác giảng dạy ở các trường đại học; cao đẳng.</p>
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp và Trường Đại học Nottingham Anh Quốc.
Thời gian cập nhật	07/2024

### 1.3. Mục tiêu đào tạo

#### 1.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cử nhân có đầy đủ sức khỏe, kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu của người học, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Có phẩm chất đạo đức, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Đào tạo nhân lực đủ năng lực làm việc tại các công ty và cơ quan tổ chức liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

#### 1.3.2. Mục tiêu cụ thể

**M1:** Hiểu biết và áp dụng được các kiến thức nền tảng và chuyên sâu của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng vào công việc chuyên môn.

**M2:** Hình thành được các ý tưởng chuyên môn trong Tài chính – Ngân hàng và phát triển được năng lực quản lý, điều hành công việc ở quy mô cá nhân và tập thể.

**M3:** Đáp ứng được các yêu cầu về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, trình độ tiếng Anh ngày càng cao của xã hội, môi trường làm việc và nghiên cứu.

**M4:** Tổ chức và thực hiện được các tác nghiệp chuyên môn Tài chính – Ngân hàng, từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong công việc.

**M5:** Hình thành được năng lực tự học, tự nghiên cứu ở lĩnh vực chuyên môn, từ đó phát triển được các năng lực tương ứng ở cả đời sống và hướng dẫn được những người xung quanh, từ đó thay đổi, cải thiện đời sống xã hội.

#### **1.4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng phải có những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, cụ thể như sau:

##### **Về kiến thức**

##### **- Kiến thức chung**

**PO1** Hiểu được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Pháp luật Việt Nam, lấy đó làm cơ sở để tu dưỡng đạo đức chính trị.

**PO2** Vận dụng được kiến thức về Giáo dục quốc phòng, từ đó rèn luyện ý thức, trách nhiệm bảo vệ tổ quốc.

**PO3** Đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh, Tin học theo quy định của Nhà trường (về Tin học, đạt từ modul 1 đến 6 của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

**PO4** Hiểu các nguyên lý, kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính, tài chính – tín dụng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên ngành tài chính ngân hàng.

##### **- Kiến thức chuyên môn**

**PO5** Vận dụng một cách vững vàng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ Tài chính – Ngân hàng và nắm vững các chính sách, chế độ, cơ chế, quy chế, quy trình của nghiệp vụ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

**PO6** Hiểu và phân tích, đánh giá các hoạt động liên quan đến hệ thống tài chính- ngân hàng, thị trường chứng khoán, quản trị ngân hàng, quản trị nguồn vốn, quản lý tín dụng, có kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro thị trường tài chính, quản trị rủi ro tín dụng.

##### **Về kỹ năng**

##### **- Kỹ năng chuyên môn:**

**PO7** Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan tới các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm

**PO8** Kỹ năng lập và trình bày báo cáo tài chính và các phân tích báo cáo theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý.

**PO9** Kỹ năng sử dụng các công cụ tài chính để quản lý rủi ro, các hoạt động kinh doanh vốn và đánh giá tín dụng là nền tảng cho phát triển hoạt động đầu tư và kinh tế.

**PO10** Kỹ năng khai thác thông tin chuyên ngành làm cơ sở tính toán, phân tích, đánh giá nhằm phục vụ ra các quyết định kinh doanh, tài chính và nghiên cứu khoa học

**PO11** Kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

**Kỹ năng mềm:**

**PO12** Giao tiếp hiệu quả thông qua các việc thuyết trình, báo cáo, thảo luận, lắng nghe và làm chủ tình huống.

**PO13** Hợp tác, làm việc nhóm, có khả năng đánh giá người khác trong lĩnh vực chuyên môn; tổ chức và sắp xếp công việc hiệu quả.

**PO14** Làm việc, nghiên cứu và giải quyết vấn đề độc lập.

**Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**PO15** Có tư duy sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, tinh thần làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác nhóm trong công việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**PO16** Có khả năng nghiên cứu khoa học; tự học hỏi; có năng lực phán xét, phân biệt sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học, phù hợp pháp luật

**PO17** Có trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị.

**1.5. Mối quan hệ giữa mục tiêu với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT																
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16	PO 17
M1				X	X	X	X	X	X	X							
M2					X	X				X	X						
M3											X	X	X				X
M4							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
M5	X	X	X								X			X	X	X	X

**1.6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

**1.6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học**

Các phương pháp dạy học được trình bày trong bảng sau:

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu

**Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm một lần với phương hướng điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia,...) về chất lượng chương trình đào tạo.

Hàng năm Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV, đặc biệt là GV trẻ để trao đổi và chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao năng lực GV.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, trách nhiệm của GV.

### 1.6.2. Thang điểm, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5
			Thời gian tham dự buổi học bắt buộc.	5
2	Bài kiểm tra định kỳ Bài báo cáo nhóm	30	Theo đáp án, thang điểm của GV. Chất lượng của sản phẩm nộp	10
			3	Thi kết thúc HP

## 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 2.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Kiến thức toàn khóa học: 131 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>43</b>	<b>2</b>	<b>45</b>
<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>71</b>	<b>15</b>	<b>86</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	32	0	32
- Kiến thức chuyên ngành	35	9	44
- Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế	0	6	6
<b>Tổng khối lượng</b>	<b>114</b>	<b>17</b>	<b>131</b>

### 2.2. Danh sách các học phần

#### 2.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thế loại
<b>A</b>	<b>Lý luận chính trị</b>					
1	0101000889	Triết học	11			
2	0101000641	Kinh tế chính trị	3	3		BB
3	0101000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB
			2	2		BB

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
4	0101000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	0101000869	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		BB
<b>B</b>	<b>Khoa học xã hội</b>		<b>8+2</b>			
6	0101000891	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	0101000780	Quản trị học	3	3		BB
8	0101000715	Marketing căn bản	3	3		BB
9	0101000894	Tâm lý học đại cương	2	2		TC
10	0101000881	Logic học đại cương	2	2		TC
<b>C</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>15</b>			
11	0101000861	Anh văn căn bản 1	3	3		BB
12	0101000862	Anh văn căn bản 2	3	3		BB
13	0101000863	Anh văn căn bản 3	3	3		BB
14		Anh văn căn bản 4	3	3		BB
15	0101000881	Anh văn trung cấp	3	3		BB
<b>D</b>	<b>Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên</b>		<b>9</b>			
16	0101000898	Toán cao cấp	3	3		BB
17	0101000896	Tin học căn bản	3	3		BB
18	0101000883	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		BB
<b>E</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>			
19	0101000872	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
20	0101000873	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK
21	0101000874	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
<b>F</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>		<b>8</b>			
22	0101000871	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	8	5	3	ĐK

(\*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

### 2.2.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
<b>Phần kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>32</b>			
1	0101000650	Kinh tế vi mô	3	3		BB
2	0101000651	Kinh tế vĩ mô	3	3		BB
3	0101000735	Nguyên lý kế toán	3	3		BB
4	0101000645	Kinh tế lượng	3	3		BB
5	0101000692	Luật kinh tế	2	2		BB
6	0101000710	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	3		BB
7	0101000799	Tài chính quốc tế	3	3		BB
8	0101000825	Thị trường tài chính	3	3		BB
9	0101000738	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	3		BB

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
10	0101000792	Quản trị tài chính	3	3		BB
11	0101000729	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3		BB
<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>			<b>35+9</b>			
12	0101000721	Ngân hàng Trung ương	2	2		BB
13	0101000717	Marketing ngân hàng	3	3		BB
14	0101000815	Thẩm định tín dụng	3	3		BB
15	0101000811	Thanh toán quốc tế	2	2		BB
16	0101000624	Kế toán ngân hàng	3	3		BB
17	0101000789	Quản trị ngân hàng thương mại	3	3		BB
18	0101000814	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	3		BB
19	0101001042	Quản trị rủi ro tài chính	3	3		BB
20	0101000756	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2			BB
21	0101000628	Kế toán tài chính	3			BB
22	0101000583	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)	3			BB
23	0101000586	Anh văn chuyên ngành 2 (TCNH)	3			BB
24	0101000829	Thuế	2			BB
25	0101000765	Quản lý danh mục đầu tư	3		3	TC
26	0101000750	Phân tích báo cáo tài chính	3		3	TC
27	0101000754	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3		3	TC
<b>Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>			
28	0101000846	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	4		4	BB
29	0101000667	Khóa luận tốt nghiệp (TCNH)	6		6	TC
<b>Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>						
30	0101000634	Kế toán thuế	3		3	TC
31	0101000616	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	3		3	TC
32	0101000640	Kinh doanh ngoại hối	3		3	TC

### 2.3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

#### 2.3.1. Học kỳ I

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
2	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	3	45		
3	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45		
4	Giáo dục thể chất 1 *	1	30				
5	Triết học	3	45	3	45	1	30
7	Toán cao cấp	3	45	3	45		
	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>255</b>	<b>15</b>	<b>225</b>	<b>1</b>	<b>30</b>

### 2.3.2 Học kỳ II

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế chính trị						
2	Quản trị học	2	30				
3	Anh văn căn bản 2	3	45				
4	Giáo dục quốc phòng – an ninh *	3	45				
5	Giáo dục thể chất 2 *	8	165	5	75	3	90
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	1	30			1	30
7	Tin học căn bản	3	45				
8	Logic học đại cương	3	60	2	30	1	30
	<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>450</b>	<b>7</b>	<b>105</b>	<b>5</b>	<b>150</b>

### 2.3.3 Học kỳ III

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế lượng						
2	Kinh tế vĩ mô	3	45	3	45		
3	Nguyên lý kế toán	3	45	3	45		
4	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45		
5	Giáo dục thể chất 3 *	3	45	3	45		
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	30			1	30
7	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
	<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>30</b>		
		<b>17</b>	<b>270</b>	<b>16</b>	<b>240</b>	<b>1</b>	<b>30</b>

### 2.3.4 Học kỳ IV

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 4						
2	Kế toán tài chính	3	45	3	45		
3	Luật kinh tế	3	45	3	45		
4	Marketing căn bản	2	30	2	30		
5	Quản trị tài chính	3	45	3	45		
6	Thuế	3	45	3	45		
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
	<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>30</b>		
		<b>18</b>	<b>270</b>	<b>18</b>	<b>270</b>		

### 2.3.5 Học kỳ V

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn trung cấp	3	45	3	45		



STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
2	Marketing ngân hàng	3	45	3	45		
3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	3	45		
4	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư	3	45	3	45		
5	Thị trường tài chính	3	45	3	45		
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	2	30		
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>		

### 2.3.6 Học kỳ VI

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kế toán ngân hàng	3	45	3	45		
2	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	45	3	45		
3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	2	30		
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3	45	3	45		
5	Thẩm định tín dụng	3	45	3	45		
6	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)	3	45	3	45		
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>		

### 2.3.7 Học kỳ VII

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Tài chính quốc tế	3	45	3	45		
2	Thanh toán quốc tế	2	30	2	30		
3	Anh văn chuyên ngành 2 (TCNH)	3	45	3	45		
4	Quản trị rủi ro tài chính	3	45	3	45		
5	Phân tích báo cáo tài chính	3	45	3	45		
6	Quản lý danh mục đầu tư	3	45	3	45		
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>		

### 2.3.8 Học kỳ VIII

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Ngân hàng trung ương	2	30	2	30		
2	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	45	3	45		
3	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	4	120			4	120
4	Khóa luận tốt nghiệp (TCNH) (hoặc học thay thế khóa luận: chọn 2 học phần)**	6	180			6	180
5	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư **	3	45	3	45		
6	Kinh doanh ngoại hối **	3	45	3	45		

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
7	Kế toán thuế **	3	45	3	45		
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>375</b>	<b>5</b>	<b>75</b>	<b>10</b>	<b>300</b>

(\*) Những học phần có dấu \* không được tính vào Trung bình chung tích lũy

(\*\*) Nếu sinh viên không đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sẽ học các học phần thay thế.

### 3. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Đại cương	3	2	2	3	1	2	1	1	1	1	1	3	1	1	3	3	3
Cơ sở ngành	1	1	2	3	2	2	2	2	3	2	2	1	2	2	2	1	1
Chuyên ngành	1	1	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3

### 4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt Chuẩn đầu ra của CTĐT

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PO)																
		Kiến thức						Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>																		
1	Triết học	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
2	Kinh tế chính trị	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
6	Pháp luật đại cương	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2
7	Quản trị học	0	1	2	0	0	1	2	1	0	2	0	0	0	1	2	2	2
8	Marketing căn bản	0	1	2	0	0	0	0	0	0	2	0	1	2	1	2	2	2
9	Tâm lý học đại cương	2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	1	2	2	2	3	3

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PO)																
		Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Logic học đại cương	0	2	3	0	1	2	1	1	1	1	0	1	2	2	2	3	3
11	Anh văn căn bản 1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	1	1
12	Anh văn căn bản 2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	1	1
13	Anh văn căn bản 3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	3
14	Anh văn căn bản 4	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	1	1
15	Anh văn trung cấp	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	3
16	Toán cao cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0
17	Tin học căn bản	0	2	3	0	1	2	1	1	1	2	0	1	1	2	1	1	1
18	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0
19	Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0
20	Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0
21	Giáo dục thể chất 3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0
22	Giáo dục quốc phòng – an ninh	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	3
<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>																		
23	Kinh tế vi mô	0	2	3	0	1	2	1	1	1	2	0	1	1	2	1	2	2
24	Kinh tế vĩ mô	0	2	3	0	1	2	1	1	1	2	0	1	1	2	2	1	3
25	Nguyên lý kế toán	1	1	2	3	2	2	2	2	0	2	0	0	0	1	2	2	2
26	Kinh tế lượng	0	2	1	0	0	1	1	0	0	2	0	2	1	2	1	1	2
27	Luật kinh tế	0	2	2	3	3	2	3	3	3	3	0	2	2	1	2	2	2
28	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	0	0	0	3	1	1	0	0	0	1	0	1	1	2	1	1	1
29	Tài chính quốc tế	0	0	0	3	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	3	3	3
30	Thị trường tài chính	0	0	0	3	2	1	1	0	0	1	1	1	1	2	1	1	1
31	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	0	0	0	3	2	2	0	0	1	1	1	2	1	2	2	1	1
32	Quản trị tài chính	0	0	0	3	2	2	1	1	1	1	0	1	2	2	2	3	1
33	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	0	0	0	3	2	2	3	0	0	2	0	2	2	2	1	2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PO)																
		Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>KHÔI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>																		
34	Ngân hàng Trung ương	0	0	0	3	2	2	1	0	0	2	0	2	2	2	2	1	2
35	Marketing ngân hàng	0	0	0	3	2	2	0	0	0	2	0	2	2	2	2	1	2
36	Thẩm định tín dụng	0	0	0	3	2	2	3	0	0	2	0	2	2	2	1	2	2
37	Thanh toán quốc tế	0	0	0	3	3	3	3	3	3	2	3	3	2	2	3	3	3
38	Kế toán ngân hàng	0	0	0	3	1	3	2	3	3	2	0	2	2	1	3	1	3
39	Quản trị ngân hàng thương mại	0	0	0	3	1	3	2	3	3	2	0	2	2	1	3	1	3
40	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	0	0	0	3	1	3	2	3	3	2	0	2	2	1	3	1	3
41	Quản trị rủi ro tài chính	0	0	0	3	3	3	3	3	3	2	0	2	2	2	3	1	3
42	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	0	0	0	2	2	3	3	2	2	3	0	2	3	2	2	2	1
43	Kế toán tài chính	2	0	0	3	2	2	2	2	0	2	0	2	2	2	2	2	2
44	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)	0	0	2	2	3	2	3	0	0	0	3	0	2	2	3	3	1
45	Anh văn chuyên ngành 2 (TCNH)	0	0	2	2	3	2	3	0	0	0	3	0	2	2	3	3	1
46	Thuế	0	0	0	3	0	2	2	3	2	2	0	2	0	2	1	2	0
47	Quản lý danh mục đầu tư	0	0	0	3	3	3	3	3	3	3	0	3	2	2	3	3	3
48	Phân tích báo cáo tài chính	0	0	0	3	0	2	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2	2
49	Phân tích và đầu tư chứng khoán	0	0	0	3	1	3	3	0	3	2	2	2	2	2	2	1	1
<b>THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP/ CÁC MÔN THAY THẾ</b>																		
50	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	0	0	0	3	0	2	0	0	2	2	1	2	2	2	3	3	3
51	Khoá luận tốt nghiệp (TCNH)	0	0	0	3	0	2	0	0	2	2	1	3	3	3	3	3	3
52	Kế toán thuế	0	0	0	3	2	1	2	2	0	2	0	1	2	2	1	2	3
53	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	0	0	0	3	1	3	2	3	3	2	0	2	2	1	3	1	3
54	Kinh doanh ngoại hối	0	0	0	3	3	3	3	3	3	2	2	3	2	2	3	3	3

**5. Mô tả tóm tắt các học phần TRIẾT HỌC**

**3 (3, 0)**

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

2 (2, 0)

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

### **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

2 (2, 0)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con người quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

2 (2, 0)

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

Tư tưởng Hồ Chí Minh;

Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;

Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con người đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

### **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

2 (2, 0)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, giúp sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

### **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

2 (2, 0)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, giới thiệu một số chế định pháp luật cơ bản của các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

### **QUẢN TRỊ HỌC**

3 (3, 0)

Môn học Quản trị học trang bị cho người học hiểu biết và những kiến thức cơ bản về quản trị, các khái niệm về quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Môn học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học về quá trình thông đạt và quản trị, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế kinh doanh.

### **MARKETING CĂN BẢN**

**3 (3, 0)**

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng Marketing căn bản trong hoạt động kinh doanh. Marketing căn bản làm rõ các nội dung chính bao gồm: bản chất của Marketing, môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các công cụ Marketing hỗn hợp (7P) và vấn đề Marketing quốc tế.

### **TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**2 (2, 0)**

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, có hệ thống về tâm lý học đại cương, giúp cho người học có thể hình thành các kỹ năng học và nghiên cứu tâm lý học, có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học, biết vận dụng các tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện bản thân, vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học.

### **LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**2 (2, 0)**

Học phần cung cấp kiến thức về các quy luật cơ bản, giúp người học hiểu thấu đáo cách suy nghĩ, lập luận của mình và đối phương; qua đó trang bị kỹ năng phát hiện, phản biện những lập luận sai trái, kịp thời đấu tranh, góp phần bảo vệ công lý, chân lý.

### **ANH VĂN CĂN BẢN 1**

**3 (3, 0)**

Học phần Anh Văn Căn Bản 1 (AVCB1) là học phần đầu tiên trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 01 và kết thúc là Unit 06, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học chính trên lớp và 2 đơn vị bài học tự học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất. Nội dung của học phần tập trung vào các chủ đề: thông tin cá nhân, quốc tịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, công việc, ngày tháng, các mùa trong năm, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học.

### **ANH VĂN CĂN BẢN 2**

**3 (3, 0)**

Học phần Anh Văn Căn Bản 2 (AVCB2) là học phần thứ hai trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File 1 (second edition) của NXB Oxford. Học

phần này bắt đầu từ Unit 7 cho tới Unit 12, trong đó bao gồm 6 đơn vị bài học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

### **ANH VĂN CĂN BẢN 3**

**3 (3, 0)**

Học phần Anh Văn Căn Bản 3 (AVCB 3) là học phần thứ ba trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là *American English File 2 (second edition)* của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 4, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học (4 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

### **ANH VĂN CĂN BẢN 4**

**3 (3, 0)**

Học phần Anh Văn Căn Bản 4 (AVCB 4) là học phần thứ tư trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 12. Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

### **ANH VĂN TRUNG CẤP**

**3 (3, 0)**

Học phần Anh Văn Trung Cấp dành cho các lớp tiếng Anh không chuyên bậc Đại học, Cao đẳng chính quy, và hệ vừa học vừa làm. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 6. Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn liên quan đến ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các kỹ năng tiếng Anh với mục đích giúp các sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

### **TOÁN CAO CẤP**

**3 (3, 0)**

Học phần cung cấp các khái niệm về:

- Ma trận, các phép toán trên ma trận, ma trận bậc thang, hạng của ma trận và ma trận nghịch đảo;

- Khái niệm định thức, các phương pháp tính định thức và ứng dụng của định thức;

- Khái niệm hệ phương trình tuyến tính và các phương pháp giải;

- Khái niệm hàm số, giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân;

- Ứng dụng các kiến thức nêu trên vào giải quyết một số bài toán từ thực tế.

### **TIN HỌC CĂN BẢN**

**3 (2, 1)**

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows 7, công cụ quản lý Windows Explorer, các công cụ hỗ trợ đánh tiếng Việt trong Windows, công cụ soạn thảo Microsoft Word (MS Word), các thao cơ bản trong MS Word, định dạng văn bản, một số thao tác trên các đối tượng hình ảnh, thao tác trên bảng biểu, định dạng và in ấn trong Word, một số tính năng nâng cao của MS Word.

Tổng quan về Microsoft Excel (MS Excel), các thao tác cơ bản trên Excel, một số hàm cơ bản trong Excel, thao tác cơ bản trên cơ sở dữ liệu dùng Excel, tạo biểu đồ trong Excel, định dạng và in ấn trong Excel, một số khái niệm và thao tác trên MS Power Point, các kiến thức sử dụng Internet và Email.

### **LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN**

**3 (3, 0)**

Học phần trang bị những kiến thức giúp sinh viên có thể giải được những bài toán liên quan đến Lý thuyết xác suất và thống kê toán phát sinh trong cuộc sống nói chung và trong kinh tế nói riêng. Đồng thời với những kiến thức được trang bị này sinh viên có thể tiếp thu được các môn học sau này như: Kinh tế lượng, Lý thuyết thống kê, Dự báo kinh tế, Marketing....

### **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1**

**1 (0, 1)**

Học phần bóng chuyền trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền;
- Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại;
- Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam;
- Kỹ thuật cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng chuyền;
- Một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

### **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2**

**1 (0, 1)**

Học phần Quần vợt trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam;
- Ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt;
- Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt;
- Các kỹ thuật đánh bóng (kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng);
- Một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

### **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3**

**1 (0, 1)**

Học phần bóng đá trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá;
- Kiến thức cơ bản về các kỹ năng của môn bóng đá như: tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng, luật bóng đá 5 người.

### **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH**

**8 (5, 3)**

Giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng quân



sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **KINH TẾ VI MÔ**

**3 (3, 0)**

Kinh tế học vi mô cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi kinh tế của các chủ thể tham gia vào nền kinh tế (người tiêu dùng, nhà sản xuất) và cách các chủ thể này tương tác với nhau.

### **KINH TẾ VĨ MÔ**

**3 (3, 0)**

Kinh tế học vĩ mô là cung cấp cho sinh viên kiến thức về:

Nghiên cứu nguyên nhân và hậu quả của biến động ngắn đối với thu nhập quốc gia (còn gọi là chu kỳ kinh tế).

Nghiên cứu những yếu tố quyết định cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

### **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**3 (3, 0)**

Nguyên lý kế toán đề cập tới các khái niệm và nguyên tắc kế toán cơ bản, đồng thời giới thiệu về chu trình kế toán và nghiên cứu chu trình kế toán trong một loại hình doanh nghiệp – doanh nghiệp thương mại.

### **KINH TẾ LƯỢNG**

**3 (3, 0)**

Kinh tế lượng cung cấp cho sinh viên kiến thức bao gồm các công cụ thống kê cần thiết để hiểu nghiên cứu kinh tế thực nghiệm, lập kế hoạch và thực hiện các dự án nghiên cứu độc lập. Các chủ đề bao gồm suy luận thống kê, hồi quy, biến công cụ, mô hình phương trình hồi quy.

### **LUẬT KINH TẾ**

**2 (2, 0)**

Luật kinh tế trình bày các quy định pháp luật về trình tự thành lập doanh nghiệp, cách đặt tên, chế độ góp vốn vào doanh nghiệp và đặc biệt là việc xây dựng điều lệ doanh nghiệp

### **LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**

**3 (3, 0)**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, những khái niệm và những nội dung chủ yếu về Tài chính, Tiền tệ, Tín dụng và Ngân hàng. Nó có tác dụng làm cơ sở bổ trợ cho việc nghiên cứu các môn kinh tế ngành.

### **TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

**3 (3, 0)**

Tài chính quốc tế là môn học chuyên nghiên cứu về hoạt động đầu tư quốc tế, tỷ giá hối đoái, các thể chế tài chính quốc tế. Khái quát hơn, môn học này cung cấp bức tranh tổng quan về các mối quan hệ kinh tế nảy sinh giữa các quốc gia, giữa Nhà nước với các công dân nước ngoài, các tổ chức quốc tế, gắn liền với các dòng lưu chuyển hàng hóa và tiền vốn trên thế giới theo những nguyên tắc nhất định.

### **THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

**3 (3, 0)**

Thị trường tài chính là môn học cơ sở, là nền tảng cho sinh viên ngành tài chính doanh nghiệp bắt đầu làm quen với các nghiệp vụ của thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ; thị trường hối đoái và thị trường chứng khoán.

### **NGUYÊN LÝ VÀ THỰC HÀNH BẢO HIỂM**

**3 (3, 0)**

Bảo hiểm là một nghiệp vụ luôn gắn chặt các doanh nghiệp bảo hiểm, là hoạt động tồn tại khách quan trong nền kinh tế thị trường. Môn nguyên lý bảo hiểm nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận, kiến thức về công tác bảo hiểm, soạn thảo hợp đồng bảo hiểm....

### **QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH**

**3 (3, 0)**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động tài chính của doanh nghiệp; lý thuyết xác định quan hệ rủi ro và lợi nhuận, định giá chứng khoán; các nguyên lý và các kỹ thuật, công cụ phân tích để ra các quyết định quản trị tài chính, đặc biệt là quyết định đầu tư và quản trị vốn lưu động nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

### **NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**3 (3, 0)**

Học phần cung ứng những kỹ năng và kiến thức nền tảng về các nghiệp vụ ngân hàng cho sinh viên khối kinh tế tài chính sau khi đã tham gia các lớp học thuộc khối kiến thức và kỹ năng cơ sở để sinh viên lĩnh hội sâu hơn những yếu tố tương quan đến ngân hàng ngoài nội dung kỹ năng và kiến thức mang tính nghiệp vụ của chuyên ngành.

### **NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG**

**2 (2, 0)**

Học phần đề cập tới các nội dung: Những kiến thức cơ bản về NHTW (Khái niệm, chức năng, vai trò, mô hình tổ chức), các nghiệp vụ NHTW, chính sách tiền tệ, thanh tra giám sát và kiểm soát nội bộ NHTW.

### **MARKETING NGÂN HÀNG**

**3 (3, 0)**

Mục tiêu của học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing tại các ngân hàng thương mại và kỹ năng vận dụng để thực hiện các nghiên cứu marketing, phân tích và hình thành các ý tưởng marketing cho ngân hàng. Học phần này đề cập đến các lý thuyết tổng quan về marketing ngân hàng, nghiên cứu hành vi của khách hàng, nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu ngân hàng trên thị trường mục tiêu, xây dựng, thực thi và kiểm tra chiến lược marketing hỗn hợp.

### **THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG**

**3 (3, 0)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và công cụ cơ bản để kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng nói chung.

### **THANH TOÁN QUỐC TẾ**

**2 (2, 0)**

Thanh toán quốc tế là môn học chuyên ngành cung cấp các kiến thức và kỹ năng thanh toán quốc tế tại các Ngân hàng thương mại cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngoại thương. Các kiến thức về hợp đồng ngoại thương, điều kiện thương mại quốc tế, bộ chứng từ và các phương thức thanh toán sẽ được trình bày trong môn học này. Môn học cũng thực hành các kỹ năng kiểm tra, kí phát các chứng từ, ứng dụng các điều kiện và những phương thức thanh toán quốc tế phù hợp.

### **KẾ TOÁN NGÂN HÀNG**

**3 (3, 0)**

Môn học kế toán ngân hàng tập trung giới thiệu nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các ngân hàng thương mại của Việt Nam và của các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Trên cơ sở các nghiệp vụ kế toán, các đối tượng có liên quan như nhà quản trị, cơ quan thuế, cổ đông... Kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản của ngân hàng cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phân chia lợi nhuận trong ngân hàng.

### **QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**3 (3, 0)**

Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị đối với các lĩnh vực hoạt động của NHTM. Học phần này đề cập đến các nội dung sau: Quản trị Tài sản – Nợ (ALM); quản trị dự trữ và thanh khoản; quản trị danh mục cho vay; quản trị danh mục đầu tư; quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường; quản trị các nguồn vốn tiền gửi và phi tiền gửi; và quản trị vốn chủ sở hữu của NHTM.

### **THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**3 (3, 0)**

Học phần này sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản về dự án đầu tư; các nội dung cần thiết lập và thẩm định dự án đầu tư và có khả năng thiết lập và thẩm định dự án đầu tư.

### **QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**3 (3, 0)**

Những vấn đề chung về quản trị tài chính như bản chất, vai trò của quản trị tài chính, giá trị thời gian của tiền tệ, ước định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn; nghiên cứu một số tỷ số tài chính quan trọng được tính toán từ các báo cáo tài chính để phục vụ công tác định hướng và lập dự toán các báo cáo tài chính; nghiên cứu một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính là quyết định đầu tư dài hạn.

### **QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ**

**3 (0, 3)**

Môn học giới thiệu các lý thuyết đầu tư bao gồm các vấn đề cơ bản như: lợi nhuận rủi ro của DMĐT, mô hình Markowitz, mô hình chỉ số đơn, mô hình CAPM, mô hình APT, lý thuyết thị trường hiệu quả (EMH)....

Các phương pháp xây dựng và quản lý DMĐT bao gồm: quy trình xây dựng DMĐT, các chiến lược quản lý DMĐT, phương pháp QLDMĐT cổ phiếu, phương pháp QLDMĐT trái phiếu, đánh giá hiệu quả hoạt động của DMĐT.... Những vấn đề cần lưu ý trong xây dựng DMĐT của các nhà đầu tư khác nhau như: nhà đầu tư cá nhân, công ty bảo hiểm, ngân hàng, quỹ đầu tư.... Ứng dụng tin học để giải quyết những bài toán cụ thể trong quản lý danh mục đầu tư.

### **PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**3 (0, 3)**

Học phần Phân tích báo cáo tài chính trình giúp người học tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc sử dụng và phân tích những thông tin nhằm giúp các đối tượng có liên quan (nhà đầu tư, chủ doanh nghiệp, ngân hàng và các cơ quan quản

lý chức năng của nhà nước) sử dụng thông tin đánh giá đúng sức mạnh tài chính, khả năng sinh lãi và triển vọng của doanh nghiệp, thông qua các kỹ thuật phân tích, từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn phù hợp và sẽ hành động trong tương lai với mục tiêu mà họ quan tâm.

### **PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

**3 (0, 3)**

Học phần này giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết và thực hành về phân tích và đầu tư chứng khoán. Các phương pháp phân tích chứng khoán, bao gồm phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật sẽ được giới thiệu trong học phần. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức về các phương pháp định giá trái phiếu, cổ phiếu và các công cụ phái sinh. Học phần còn tập trung vào các khái niệm và lý thuyết cơ sở của việc lựa chọn chứng khoán và xây dựng danh mục đầu tư như khái niệm về rủi ro và thu nhập, lý thuyết thị trường hiệu quả, lý thuyết danh mục đầu tư Markowitz, các mô hình định giá tài sản như mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình định giá Arbitrage, mô hình đa chỉ số...

### **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH TẾ**

**2 (2, 0)**

Học phần nhằm giúp cho sinh viên có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Phần đầu của học phần trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong quản trị kinh doanh. Phần tiếp theo sẽ tập trung vào các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu. Cuối cùng, học phần giới thiệu về cách xây dựng một đề cương nghiên cứu cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

### **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

**3 (3, 0)**

Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. Với kiến thức này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

### **ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH 1 (TCNH)**

**3 (3, 0)**

Môn Anh văn chuyên ngành Tài chính ngân hàng cung cấp cho sinh viên các vốn kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn là Tài chính ngân hàng. Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành.

### **ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH 2 (2, 0) (TCNH)**

**3 (3, 0)**

Môn Anh văn chuyên ngành Tài chính ngân hàng cung cấp cho sinh viên các vốn kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn là Tài chính ngân hàng. Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành.

### **THUẾ**

**2 (2, 0)**

Cung cấp kiến thức cơ bản về Luật Thuế đại cương, với những nội dung về các loại thuế hiện hành đang áp dụng tại Việt Nam như: thuế xuất khẩu – nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, và các loại thuế khác.

### **THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (TCNH)**

**4 (0, 4)**

Học phần Thực tập tốt nghiệp được thiết kế nhằm giúp sinh viên tận dụng những kiến thức đã tích lũy trong suốt quá trình đào tạo để thực hiện nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực TCNH. Sinh viên sẽ đi thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp trong khoảng thời gian theo qui định của trường. Với sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên sẽ viết một chuyên đề tốt nghiệp theo ngành hoặc chuyên ngành. Sinh viên nộp chuyên đề tốt nghiệp về khoa sau khi kết thúc thời gian thực tập.

### **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (TCNH)**

**6 (0, 6)**

Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính ngân hàng là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành để hoàn thành chương trình đào tạo. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo sẽ cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội qua quá trình đào tạo, khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình thực hiện khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

Sinh viên sẽ đi thực tập tại các doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp trong khoảng thời gian theo qui định của trường. Với sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên sẽ viết khóa luận tốt nghiệp liên quan đến chuyên ngành. Sinh viên nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa sau khi kết thúc thời gian thực tập.

### **KẾ TOÁN THUẾ**

**3 (2, 1)**

Học phần sẽ giới thiệu và hướng dẫn sinh viên thực hành làm bài tập về kê khai thuế và kế toán thuế tại doanh nghiệp.

### **HOẠCH ĐỊNH NGÂN SÁCH VỐN ĐẦU TƯ**

**3 (3, 0)**

Trang bị cho người học các kiến thức về những tiêu chuẩn và quy trình hoạch định ngân sách vốn; Đánh giá tính khả thi của các dự án hoặc tổ hợp dự án một cách khoa học và khách quan; Nhận thức được vai trò của hoạch định ngân sách vốn trong việc lựa chọn các tổ hợp dự án giúp cho công ty phát triển, đóng góp vào sự phát triển của vùng.

### **KINH DOANH NGOẠI HỐI**

**3 (3, 0)**

Học phần cung cấp các kiến thức sau: Tổng quan về thị trường ngoại hối; Tỷ giá hối đoái và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái; Các nghiệp vụ trong kinh doanh ngoại hối; Phân tích kỹ thuật và phân tích trong dự báo tỷ giá hối đoái; Rủi ro trong

kinh doanh ngoại hối; Những điều kiện khung về thể chế trong kinh doanh ngoại hối;  
Một số chiến lược trong kinh doanh ngoại hối.

## **6. Hướng dẫn thực hiện CTĐT**

### **6.1. Đối với Khoa và Bộ môn:**

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

### **6.2. Đối với giảng viên:**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

### **6.3. Đối với sinh viên:**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp; hiểu biết về xã hội và con người.

#### **6.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:**

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

- Phòng thực hành chuyên ngành tài chính - ngân hàng được trang bị các máy móc, thiết bị và dụng cụ phù hợp.

### **7. Đối sánh với bản mô tả CTĐT năm 2022**

#### **7.1. Điểm giống nhau:**

- Cung cấp đầy đủ các thông tin chung: tên ngành (tiếng Việt, tiếng Anh), mã ngành, trình độ, loại hình và hình thức, thời gian đào tạo, tên trường cấp bằng, số tín chỉ, đối tượng tuyển sinh, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm, thời điểm cập nhật bản mô tả.

- Trình bày rõ các nội dung mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp/chiến lược giảng dạy, học tập và đánh giá.

- Mô tả chương trình dạy học về khối lượng kiến thức toàn khóa, danh sách các học phần trong CTĐT và tóm tắt nội dung các học phần.

#### **7.2. Điểm khác nhau:**

- Bổ sung thêm môn Anh văn căn bản 4 và Anh văn trung cấp

- Loại bỏ môn Thực hành nghề nghiệp (TCNH) và Đầu tư tài chính

- Sắp xếp lại trình tự môn học trong các học kỳ



Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Văn Quang

Phòng QLĐT

ThS. Lý Mẫn Tẹn

Khoa Kinh tế

TS. Nguyễn Văn Tạc